Số: 1025/QĐ-UBND-HC
Thời gian ký: 29/10/2024 14:48:59 +07:00

Phụ lục

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN KHÔNG SỬ DỤNG HỒ SƠ GIẤY

(Kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND-HC ngày 29/10/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT		MÃ SỐ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	MỨC ĐỘ DVCTT	GHI CHÚ
	I		**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**			
1	1	1,007,933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Bảo vệ thực vật	Toàn trình	
	II		**SỞ TƯ PHÁP**			
2	1	2.000635.000.00.00.H20	Cấp bản sao trích lục hộ tịch.	Hộ tịch	Toàn trình	
3	2	2.002516.000.00.00.H20	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Toàn trình	
4	3	1.001438.000.00.00.H20	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Toàn trình	
	III		**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**			
5	1	1,010,728	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường	Toàn trình	
6	2	1,010,729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	Toàn trình	
7	3	1,004,253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Toàn trình	
	IV		**SỞ Y TẾ**			
8	1	1.003580.000.00.00.H20	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình	
9	2	2.000655.000.00.00.H20	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình	
10	3	1.003958.000.00.00.H20	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Toàn trình	
11	4	1.004488.000.00.00.H20	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Một phần	
12	5	1.004477.000.00.00.H20	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Một phần	
13	6	1.004471.000.00.00.H20	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Một phần	
14	7	1.004461.000.00.00.H20	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh	Một phần	
	V		**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**			
15	1	1.000288.000.00.00.H20	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Một phần	
16	2	1.000691.000.00.00.H20	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Một phần	
17	3	1.000280.000.00.00.H20	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Một phần	
18	4	1.000715.000.00.00.H20	Cấp chứng nhận Trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Giáo dục và Đào tạo	Một phần	
19	5	1.000713.000.00.00.H20	Cấp chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Giáo dục và Đào tạo	Một phần	
20	6	1.000711.000.00.00.H20	Cấp chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Giáo dục và Đào tạo	Một phần	
	VI	**CẤP HUYỆN**				
21	1	2.000635.000.00.00.H20	Cấp bản sao trích lục hộ tịch.	Hộ tịch	Toàn trình	
22	2	2.002516.000.00.00.H20	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Toàn trình	
	VII	**CẤP XÃ**				
23	1	1.007372.000.00.00.H20	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	Toàn trình	
24	2	2.002516.000.00.00.H20	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Toàn trình	